

Bản án số: 406/2022/HSPT

Ngày: 10-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Nam Hà

2. Ông Mai Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 173/2022/TLPT-HS ngày 22 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo Lê Thanh T1, Đỗ Văn L và Lưu Kim T2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 184/2021/HS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thanh T1, sinh năm 1984.

ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số 150 đường N, phường X, quận T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị H; có vợ Đỗ Thị G và 02 con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Danh chỉ bản số 000000277 lập ngày 29/6/2020 tại Công an quận T, thành phố Hà Nội.

Bị cáo đầu thú, bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/6/2020 đến ngày 16/6/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt tại phiên tòa.*

2. Đỗ Văn L, sinh năm 1967.

ĐKHKT: Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Số 150 đường N, phường X, quận T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn L và bà Lê Thị T (đều đã chết); có vợ Trần Thị H và 02 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 21-QĐ/UBKTHU ngày 25/11/2020 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy H1 Hà.

Danh chỉ bản số 000000278 lập ngày 29/6/2020 tại Công an quận T, thành phố Hà Nội.

Bị cáo đầu thú, bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/6/2020 đến ngày 16/6/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt tại phiên tòa.*

3. Lưu Kim T2, sinh năm 1977.

ĐKHKT: Khu X, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Nay là: Khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ); nơi cư trú: Số 15 ngõ 66 đường P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Kim T và bà Bùi Thị D (đã chết); có vợ Đinh Thị T và 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Danh chỉ bản số 000000279 lập ngày 29/6/2020 tại Công an quận T, thành phố Hà Nội.

Bị cáo đầu thú, bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/6/2020 đến ngày 16/6/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt tại phiên tòa.*

* **Bị hại:** Anh Vũ Tiến H1, sinh năm 1976; ĐKHKT: Số 3/15/79 đường T, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số 23 hẻm 42/26/175 đường L, phường N, quận C, thành phố Hà Nội; *vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội

dụng vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, Lê Thanh T1 có nhận thi công 01 công trình xây lắp lan can của anh Vũ Tiến H1. Sau khi làm xong công trình, anh H1 không thanh toán tiền thi công cho T1. Từ năm 2012 đến khi xảy ra sự việc, T1 đã nhiều lần đến nhà anh H1 để đòi tiền nhưng không gặp được anh H1. Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 09/6/2020, T1 nhìn thấy anh H1 điều khiển xe máy một mình đi theo hướng N – Phạm Văn Đồng, thấy vậy T1 điều khiển xe đuổi theo và thấy anh H1 đi vào 01 công trình xây dựng tại địa chỉ C1- 12A Ciputra, Khu đô thị Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận T, thành phố Hà Nội. T1 gọi anh H1 để nói chuyện. T1 hỏi anh H1 về khoản nợ của T1, anh H1 trả lời chưa có tiền và nói sẽ trả T1 sau. T1 nói với anh H1 “anh cứ ở đây, tôi gọi người đến giải quyết”. Anh H1 nói “mày thích gọi ai thì gọi”, rồi đi vào trong công trình làm việc. T1 gọi điện cho Đỗ Văn Nam (sinh năm 1994; HKTT: Dương Xá, Tiến Đức, H1 Hà, Thái Bình; Nơi cư trú: Số 201 đường N, phường X, quận T, thành phố Hà Nội là em vợ của T1) với nội dung thông báo việc “đã tìm thấy con nợ” và bảo Nam ra C1-12A Ciputra để giúp T1. Sau khi gọi cho Nam, T1 tiếp tục gọi cho L (là bố vợ của T1) và nhờ L ra C1-12A Ciputra giúp T1 (L chưa biết T1 nhờ giúp việc gì). L không biết đường nên đã gọi Lưu Kim T2 (là thợ sắt làm tại xưởng gia đình T1, L) để T2 chở L đi. Lúc này, T2 đang ở xưởng tại địa chỉ 195 N, được L bảo chở đi nên T2 đi vào rửa tay, lấy xe để chở L đi. L đứng chờ nhưng không thấy T2 quay ra thì tiếp tục gọi Đặng Văn Trung (sinh năm 1981; HKTT: Xuân Phú, Xuân Trường, Nam Định; Nơi cư trú: Số 150 đường N, phường X, quận T, thành phố Hà Nội là thợ sắt) để bảo Trung chở L vào Ciputra. Trung đã lấy xe máy chở L vào nhà số C1-12A Ciputra (Trung chưa biết đi làm gì). Sau khi rửa tay xong, T2 ra cửa nhà nhưng không thấy L đâu, nghĩ rằng L đã đi trước nên T2 lấy xe máy định đi vào Ciputra thì gặp Đỗ Văn Nam. Nam hỏi T2 “đi vào Ciputra à”, T2 nói “ừ”. Thấy vậy, Nam bảo T2 chở Nam đi cùng (T2 không biết đi làm gì). Sau đó khoảng 10 phút sau thì L, Trung, Nam, T2 gặp T1 tại trước cổng công trình số 12A Ciputra (L và Trung đến trước, Nam và T2 đến ngay sau).

Tại cổng công trình 12A Ciputra, T1 nói với 04 người còn lại là T1 có “con nợ” đang ở trong công trình này, nợ hơn 40 triệu đã nhiều năm không trả, T1 bảo mọi người vào giúp. L, T2, Nam, Trung đều hiểu là đến gây sức ép cho “con nợ” của T1, sau đó T1 cùng L, Trung, Nam, T2 đi vào trong công trình. Khi vào trong, T1 nói to “Anh H1 ơi, xuống đây”. Sau đó, anh H1 đi từ trên tầng xuống gặp T1. Lúc này L, Trung, Nam, T2 xác định anh H1 là người

nợ tiền của T1. Khi gặp anh H1, T1 tiếp tục đòi tiền anh H1 và bảo anh H1 ra ngoài nói chuyện. Anh H1 trả lời không có tiền trả, lời qua tiếng lại giữa hai bên, đến khi vừa ra ngoài cổng công trình thì T1 dùng tay ghì cổ anh H1 xuống ngang ngực và đâm 2-3 cái vào mặt và người anh H1 khiến anh H1 bị chảy máu mũi. Thấy vậy anh Nguyễn Văn Chung (sinh năm 1977; HKTT: 76 Vạn Phúc Thượng, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội; Nơi cư trú: Số 32 ngõ 58 Đào Tấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội là bạn của anh H1) có can ngăn thì T1 không đánh anh H1 nữa.

L thấy sự việc thu hút sự chú ý của nhiều người nên đã nói với anh H1 “chúng mày đi về nhà tao giải quyết”. L muốn đưa anh H1 về 150 N để tiếp tục giải quyết việc nợ tiền, anh H1 nói lại để anh H1 đi vào rửa mặt. Sau đó, anh H1 đi vào trong công trình còn T1, L, Trung, Nam, T2 đứng ở bên ngoài. Khoảng 05 phút sau, không thấy anh H1 ra, T1, L, Trung, Nam, T2 đi vào trong, L đi đầu tiên. Khi vào trong công trình, thấy anh H1 rửa mặt xong và ngồi cạnh nhà vệ sinh, L yêu cầu anh H1 về 150 N để giải quyết việc nợ tiền T1 nhưng anh H1 không đồng ý. L tiếp tục yêu cầu 1-2 lần nữa nhưng anh H1 không đi. Thấy vậy, L đã dùng tay túm cổ áo lôi anh H1 đứng dậy. Anh H1 chùn người lại nhưng bị L kéo về phía L 1-2 mét. Thấy vậy, anh Nguyễn Văn Chung can ngăn và nói sẽ đi cùng với anh H1. L đồng ý để anh Chung đi cùng. Khi ra ngoài cổng, anh H1 tiến về phía xe của anh Chung và định lên xe của anh Chung nhưng bị L ngăn cản. L nghĩ anh H1 đi cùng anh Chung sẽ bỏ chạy nên nói “không được, mày phải đi xe này” và chỉ tay về phía xe máy do T2 điều khiển. Anh H1 lên xe T2, T2 chở anh H1 về 150 N. Những người còn lại gồm anh Chung, Trung, Nam, T1, L đi ngay sau xe máy của T2.

Khi về nhà số 150 N, T1, L, anh H1, anh Chung ngồi vào bàn uống nước nói chuyện, còn Trung, Nam, T2 đi làm. Tại đây, T1 nói và yêu cầu anh H1 trả số tiền nợ là 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu) đồng, anh H1 không đồng ý về số tiền trên. Anh H1 nói công trình anh H1 nhận chỉ có 25.000.000 đồng, anh H1 giao cho T1 thì công khoảng 20.000.000 đồng. Do anh H1 thấy có lỗi trong việc không thanh toán cho T1 nên anh H1 tự nhận sẽ trả cho T1 số tiền là 25.000.000 đồng bao gồm phần tiền công của anh H1. Khi nghe anh H1 trình bày như vậy, T1 suy nghĩ: “số tiền anh H1 nợ đã từ rất lâu, bây giờ đòi được bao nhiêu thì đòi” nên T1 đã đồng ý về số tiền anh H1 nói là 25.000.000 đồng.

T1 hỏi anh H1 bao giờ trả tiền, anh H1 nói không có tiền trả, cho anh H1 về, khi nào có tiền anh H1 trả. L nghe thấy anh H1 đòi về thì dùng tay đánh anh H1 một cái vào mặt làm anh H1 chảy máu mũi. L yêu cầu anh H1

giải quyết cho xong mới được về, nếu không sẽ giữ anh H1 đến tối. Anh H1 nói “không có tiền trả, ông giữ đến tối cũng được”. T1 lấy bông băng cho anh H1 cầm máu. Sau đó, L hỏi anh H1: “có trả trước được 15 triệu không”? anh H1 vẫn trả lời: “không có tiền”. Lúc này anh Chung đưa ra phương án anh H1 sẽ trả tiền nợ theo tháng, mỗi tháng sẽ trả 05 triệu đồng. T1 đồng ý và bảo anh H1 viết giấy để làm tin, anh H1 đồng ý. T1 bảo vợ là Đỗ Thị Giang (sinh năm 1992; HKTT: T, T, M, Hà Nội; Nơi cư trú: Số 150 đường N, phường X, quận T, thành phố Hà Nội) lên mạng tìm mẫu. Khoảng 20 phút sau, Giang in mẫu giấy nhận nợ và đưa lại cho T1, T1 đưa lại cho anh H1 xem và viết nội dung vào giấy nhận nợ theo như đã thống nhất với T1. Sau khi viết xong anh H1 và anh Chung đi về.

Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, em rể và em gái của anh H1 là Lê Thiện Vinh, sinh năm 1980 và Vũ Minh Hường, sinh năm 1978 (cùng HKTT: Số 3 ngõ 79/15 Thụy Khuê, quận T, thành phố Hà Nội) biết sự việc anh H1 bị đánh, Hường cùng Vinh đến nhà anh H1 hỏi và được anh H1 kể lại việc anh H1 bị T1 đánh. Nghe xong, Vinh cùng Hường đến nhà T1 để nói chuyện. Khi đi, Vinh mang theo 01 thanh kiếm và 01 con dao để vào trong 01 bao tải, trên yên xe của Vinh có để sẵn 01 con dao gọt hoa quả. Khi đến trước số 195 N (đối diện 150 N), Hường biết Vinh mang theo dao nên đã bảo Vinh cất đi không được sử dụng. Vinh để bao tải chứa dao và kiếm vào góc tường nhà đối diện, rồi Vinh cùng Hường đi bộ sang nhà T1. Vinh đứng trước cửa gọi T1 nhưng không ai trả lời, Vinh tự ý mở cửa nhà T1 và dùng chân đạp đổ 01 xe máy của nhà T1. Thấy vậy, Hường đã dựng xe lên. Sau đó, Vinh đi ra ngoài đứng đối diện bên kia đường. Khi nghe thấy tiếng người gọi T1 và tiếng động mạnh trong nhà, chị Đỗ Thị Giang nghĩ anh H1 cho người đến đập phá nên đã thông báo cho T1 về việc H1 cho người đến đập phá cửa hàng. Lúc này, T1 đang ở trong phòng trọ của Đặng Văn Trung; Đinh Quang Trung (sinh năm 1983; HKTT: Xuân Thượng, Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc) và Tạ Văn Tụ (sinh năm 1989; HKTT: Thôn Làng Bình, xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang). T1 thông báo cho những người trong phòng biết cửa hàng đang bị đập phá rồi chạy về cửa hàng 150 N. Thấy vậy, Đặng Văn Trung, Đinh Quang Trung và Tạ Văn Tụ đều chạy về phía 150 N. T1 chạy về nhìn thấy Vinh đang đứng trước số 195 N nên lao tới đánh Vinh. Đặng Văn Trung cũng lao tới đập Vinh. Vinh chạy đến vị trí để bao tải chứa dao và kiếm, lấy ra 01 thanh kiếm thì bị T1, Đặng Trung, Đinh Trung, Tụ giữ và giằng kiếm ra khỏi tay. Lúc này bên phía T1 có thêm Đỗ Văn L, Đỗ Văn Nam hỗ trợ việc giữ tay và giằng kiếm. Bị giằng mất kiếm, Vinh tiếp tục lấy 01 con dao từ trong bao tải ra nhưng chưa kịp làm gì thì tiếp tục bị giằng mất. Công

an phường X nhận được tin báo đã đến giải quyết vụ việc. Tại Cơ quan công an, anh Vinh đã trình báo sự việc và yêu cầu xử lý các đối tượng gây ra theo quy định pháp luật. Ngày 10/6/2020 Anh H1 đến Công an phường X trình báo về việc bị bắt, giữ người trái pháp luật.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu sáng bạc, đã qua sử dụng;

- Thu giữ của Đỗ Văn Nam: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone xsmax màu vàng, ốp màu trắng;

- Thu giữ của Đỗ Thị Giang: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, đã qua sử dụng; 01 “Giấy nhận nợ” đề ngày 09/6/2020 có chữ ký của T1, H1, Chung;

- Thu giữ của Lê Thiện Vinh: 01 thanh kiếm dài 85cm, phần chuôi làm bằng gỗ, phần lưỡi kiếm làm bằng kim loại sáng màu được mài sắc, đựng trong vỏ bao bằng gỗ; 01 con dao nhọn dài khoảng 20cm có phần chuôi dao bằng gỗ, lưỡi dao làm bằng kim loại; 01 con dao dạng dao gọt hoa quả dài khoảng 15cm, có phần chuôi dao bằng nhựa màu xanh, lưỡi dao làm bằng kim loại màu trắng.

T2 khai nhận: Ngày 9/6/2020, tại C1 12A Ciputra được T1 cho biết lý do đến đây để hỗ trợ T1 đòi nợ. Quá trình diễn ra toàn bộ sự việc T2 không có lời nói và hành động gì đối với anh H1. T2 biết việc anh H1 bị đánh, bị L ép buộc phải lên xe máy của T2 đi về 150 N nhưng T2 vẫn đồng ý chở anh H1 về địa chỉ 150 N.

Anh Vũ Tiến H1 khai: Anh H1 nhận làm công trình với số tiền 25.000.000 đồng và giao lại cho T1 với số tiền khoảng 20.000.000 đồng. Anh H1 đã nhận tiền thanh toán công trình nhưng anh H1 không thanh toán lại cho T1. Do bị T1 đánh và bị L ép buộc, túm cổ áo lôi đi nên anh H1 miễn cưỡng đi theo L về 150 N. Lời khai ban đầu của anh H1 tại các bút lục 82, 85 thể hiện: T1 đánh và bắt anh H1 viết giấy nhận nợ. Sau đó, anh H1 thay đổi lời khai thể hiện: Tại nhà số 150 N, T1 yêu cầu trả số tiền 44.000.000 đồng nhưng anh H1 không đồng ý. Do nợ tiền T1 từ rất lâu nên anh H1 quyết định sẽ trả cho T1 hết số tiền anh H1 được nhận từ công trình đó là 25.000.000 đồng. Tại 150 N, anh H1 biết đó là nhà của T1, L và có đòi về thì đã bị L đánh và không cho về. Việc anh H1 viết giấy nhận nợ là tự nguyện và theo ý muốn chủ quan của bản thân. Anh H1 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với T1, L, T2.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã tổ chức cho người bị hại, người chứng kiến nhận dạng các đối tượng trong nhóm của T1. Kết quả điều nhận ra được T1, L, Trung, Nam, T2. Riêng đối với người làm chứng Trần Hữu Sản chỉ nhận ra T1, L, Nam, T2.

Ngày 19/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T tiến hành dựng lại hiện trường, kết quả: Thể hiện được hành vi gây thương tích của T1 đối với anh H1; hành vi L túm áo lôi anh H1 đi. Khi đối tượng T1, L thực hiện các hành vi trên thì các đối tượng Trung, Nam, T2 đều có mặt gần đó.

Đỗ Thị Giang khai nhận: Giang nghe được T1 đòi H1 44.000.000 đồng, nhưng H1 phủ nhận. Nói chuyện một lúc thì H1 và T1 thống nhất số tiền nợ là 25.000.000 đồng. H1 nói về số tiền H1 sẽ trả thì L có dùng tay vả H1 một cái vào mặt và nói: “về gì mà về, giải quyết xong thì về”, khiến H1 bị chảy máu mũi. Khi anh Chung nói trả tiền theo tháng thì T1 bảo Giang chuẩn bị giấy nhận nợ. Giang lên mạng tìm mẫu giấy nhận nợ, chỉnh sửa ngày giờ, địa điểm còn nội dung số tiền thì theo thỏa thuận của T1 và H1 là 25.000.000 đồng, Giang in ra và đưa cho T1, anh T1 đưa lại cho H1 viết sau đó H1 và Chung đi về.

Đối với hành vi xâm hại sức khỏe của Lê Thanh T1 và Đỗ Văn L đối với anh H1 và hành vi xâm hại sức khỏe của Lê Thanh T1 và Đặng Văn Trung đối với anh Lê Thiện Vinh: Ngày 09/7/2020 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ phần trăm thương tích đối với thương tích của anh H1 và anh Vinh. Tuy nhiên anh H1 và anh Vinh đều từ chối giám định và không yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật. Anh H1 và anh Vinh đều yêu cầu được bồi thường tổn hại sức khỏe với số tiền là 5.000.000 đồng. Ngày 28/7/2020, T1 đã bỏ số tiền trên để đại diện cho L và Đặng Văn Trung để bồi thường tổn hại sức khỏe cho anh H1 và anh Vinh. Số tiền trên T1 không yêu cầu gì đối với L và Trung. Anh H1 và anh Vinh đã nhận đầy đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì. Do đó, ngày 15/10/2020, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Lê Thanh T1, Đỗ Văn L và Đặng Văn Trung về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác quy định tại điểm e khoản 3 điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ – CP ngày 12/11/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực An ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình.

Đối với anh Lê Thiện Vinh: Ngày 15/10/2020 Công an quận T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Vinh về hành vi Sử dụng các loại vũ khí trái phép nhưng chưa gây hậu quả quy định tại điểm d khoản 3 điều 10 Nghị định 167/2013/NĐ – CP ngày 12/11/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành

chính trong lĩnh vực An ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình. Đồng thời, tịch thu tiêu hủy đối với 01 thanh kiếm dài 85cm, phần chuôi làm bằng gỗ, phần lưỡi kiếm làm bằng kim loại sáng màu được mài sắc, đựng trong vỏ bao bằng gỗ; 01 con dao nhọn dài 20cm có phần chuôi dao bằng gỗ lưỡi dao làm bằng kim loại; 01 con dao dạng dao gọt hoa quả dài 15cm, có phần chuôi dao bằng nhựa màu xanh, lưỡi dao làm bằng kim loại màu trắng.

Đối với việc Lê Thiện Vinh đạp đổ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead của ông Đỗ Văn L: Ông L xác định chiếc xe máy trên không bị hư hỏng gì, ông không yêu cầu giải quyết.

Đối với Đỗ Văn Nam và Đặng Văn Trung, quá trình điều tra xác định: Trong quá trình xảy ra sự việc tại công trình C1 12A Ciputra, Trung và Nam không có hành động, lời nói gì liên quan đến đòi tiền, ép buộc anh H1 đi về 150 N. Khi L, T1, T2 có hành vi bắt H1 về 150 N để giải quyết, Trung và Nam can ngăn và nói với L đưa H1 ra Công an giải quyết nhưng L không đồng ý. Do L là bố của Nam và là chủ của Trung nên khi L không đồng ý thì Nam và Trung không có ý kiến gì và đi về làm việc bình thường. Lời khai của Nam và Trung phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ thu thập được, do đó Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý đối với Nam và Trung với vai trò đồng phạm với T1, L, T2 về hành vi bắt giữ người trái pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật

Đối với Tạ Văn Tụ và Đinh Quang Trung quá trình điều tra xác định: Tối ngày 09/6/2020 Tụ cùng T1, Văn Trung, Quang Trung đi từ phòng trọ trong ngõ 156 N đến cửa hàng số 150 N. Tại đây đã xảy ra việc đánh nhau giữa nhóm T1 với Vinh. Tuy nhiên, Tụ khai không đánh Vinh mà chỉ hỗ trợ mọi người giằng lại hung khí mà Vinh sử dụng. Trung khai không tham gia giằng co và không đánh Vinh gây thương tích. Không có tài liệu chứng minh Tụ và Quang Trung đánh Vinh nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với số tiền 25.000.000 đồng mà H1 nợ T1, bị can T1 không có yêu cầu, kiến nghị gì và sẽ tự giải quyết với anh H1.

Đối với tài sản thu giữ của T1, Nam, L không liên quan đến vụ án nên ngày 12/10/2020 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại tài sản trên cho T1, Nam, L. T1, Nam, L đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì.

Tại bản Cáo trạng số 222/CT-VKSTH ngày 18/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Hà Nội truy tố Lê Thanh T1 và Đỗ Văn L về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật

Hình sự; truy tố Lưu Kim T2 về tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Ngày 31/12/2020, Tòa án nhân dân quận T ra Quyết định trả hồ sơ vụ án số 27/2020/HSST- QĐ cho Viện kiểm sát nhân dân quận T để điều tra làm rõ:

- Hành vi của Lê Thanh T1 và Đỗ Văn L có xâm phạm quyền sở hữu của anh H1 hay không?

- Yêu cầu điều tra, làm rõ trách nhiệm của Đỗ Thị Giang có căn cứ để xem xét, xử lý hay không?

Ngày 25/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân quận T có công văn số 40/VKS trả lời giữ nguyên quan điểm truy tố.

Tại phiên tòa ngày 05/3/2021, Hội đồng xét xử xét đã ra Quyết định trả hồ sơ vụ án số 04/2021/HSST-QĐ quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận T để điều tra, làm rõ những vấn đề sau đây:

- Yêu cầu điều tra, làm rõ hành vi của Lê Thanh T1 và Đỗ Văn L có xâm phạm quyền sở hữu của anh H1 hay không?

- Yêu cầu điều tra, làm rõ trách nhiệm của Đỗ Thị Giang có căn cứ để xem xét, xử lý hay không?

Ngày 10/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân quận T có công văn số 167/VKS thể hiện: Quá trình điều tra bổ sung vụ án, Cơ quan điều tra đã xác định:

T1 khai việc T1 gọi L, Nam đến gặp H1 chỉ nhằm mục đích giải quyết khoản tiền công do H1 thuê T1 làm việc trước đây. H1 đã không có thái độ hợp tác khi T1 nói về khoản tiền công này và còn thách thức T1 nên T1 đánh H1, sau đó cùng L, T2 bắt H1 đưa về nhà T1, L để giải quyết. T1 không có mục đích chiếm đoạt tiền của H1 mà chỉ nhằm mục đích giải quyết, thống nhất số tiền công mà T1 làm thuê cho H1 trước đó để H1 trả nợ cho T1.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã tiến hành đối chất giữa T1 và anh H1, kết quả thể hiện: Anh H1 và T1 đã thống nhất với nhau về số tiền công nợ là 25.000.000 đồng. Anh H1 đã tự nguyện viết giấy nhận nợ để tránh gây tranh cãi về sau. T1 bộ quá trình thỏa thuận, anh H1 đã viết 02 lần

giấy nhận nợ. Trong đó, lần thứ nhất là thống nhất số tiền 25.000.000 đồng, lần thứ hai là anh H1 nhận mỗi tháng trả nợ 5.000.000 đồng.

L khai nhận: Việc L giúp T1 bắt giữ H1 để cho T1 và H1 thống nhất, giải quyết dứt điểm tiền công H1 nợ T1 trước đây. L không có mục đích chiếm đoạt tài sản của H1. Việc thỏa thuận, thống nhất việc thanh toán công nợ do T1 và H1 tự thống nhất.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã tiến hành đối chất giữa L và anh H1 thể hiện: L đánh H1 do H1 có lời nói văng tục, đòi về. Khi T1 hỏi H1 phương án trả nợ thì H1 đã nói “anh đeo có tiền đâu, cho anh về...”, L nghe thấy thì bức xúc đã dùng tay vả 01 cái vào mặt anh H1 và nói “mày đeo với ai, về cái gì mà về, tao giữ mày đến tối”.

Do đó, không đủ căn cứ để chứng minh Lê Thanh T1 và Đỗ Văn L có hành vi xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của anh H1.

Tại Cơ quan điều tra Đỗ Thị Giang thay đổi lời khai thể hiện: Chị Giang biết việc L, T1 đưa H1 là người nợ tiền của T1 về nhà để giải quyết việc nợ tiền nhưng không có lời nói, hành vi đe dọa, đòi tiền H1, không biết việc T1 và L giữ H1 trái pháp luật. Việc chị Giang in mẫu giấy nhận nợ là do T1 nhờ Giang. Sau khi đưa mẫu giấy nhận nợ, chị Giang đi vào trong nhà, sự việc sau đó như thế nào chị Giang không tham gia và không chứng kiến. Nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Giang.

Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2021/HS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn L và Lê Thanh T1 phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; bị cáo Lưu Kim T2 phạm tội “Bắt người trái pháp luật”

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T1;

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L và T2;

Xử phạt: Đỗ Văn L 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 10/6/2020 đến ngày 16/6/2020.

Xử phạt: Lê Thanh T1 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 10/6/2020 đến ngày 16/6/2020.

Xử phạt: Lưu Kim T2 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 10/6/2020 đến ngày 16/6/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong các ngày 06, 07 và 09/12/2021, các bị cáo Lê Thanh T1, Đỗ Huy L và Lưu Kim T2 lần lượt có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Thanh T1, Đỗ Huy L và Lưu Kim T2 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

Về hình thức kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Thanh T1, Đỗ Huy L và Lưu Kim T2 trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thanh T1 và bị cáo Đỗ Huy L về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Lưu Kim T2 về tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Thanh T1 10 tháng tù và bị cáo Đỗ Huy L 12 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; xử phạt bị cáo Lưu Kim T2 07 tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật” là phù hợp. Tuy nhiên, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thanh T1, Đỗ Văn L và Lưu Kim T2, sửa quyết định của bản án sơ thẩm, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Cụ thể:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T1 10 (*Mười*) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (*Hai mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Đỗ Huy L 12 (*Mười hai*) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*Hai mươi tư*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Lưu Kim T2 07 (*Bảy*) tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (*Mười bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Thanh T1, Đỗ Văn L và Lưu Kim T2 trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể, được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]Căn cứ vào lời khai của các bị cáo Lê Thanh T1, Đỗ Văn L và Lưu Kim T2, vật chứng thu được, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Do anh Vũ Tiến H1 nợ tiền của bị cáo Lê Thanh T1 từ năm 2012 nhưng không trả nên ngày 09/6/2020, tại công trình xây dựng, địa chỉ C1-12A Ciputra, phường Phú Thượng, quận T, thành phố Hà Nội, các bị cáo Đỗ Văn L, Lê Thanh T1 và Lưu Kim T2 mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền nhưng:

Bị cáo Đỗ Văn L đã có hành vi gây áp lực, khống chế, bắt anh Vũ Tiến H1 trái pháp luật đưa đến số nhà 150 đường N, phường X, quận T, thành phố Hà Nội.

Bị cáo Lê Thanh T1 khi thấy anh H1 không đồng ý về số nhà 150 N, T1 đã nảy sinh ý định bắt, giữ anh H1. T1 biết L có hành vi gây áp lực, khống chế, bắt anh Vũ Tiến H1 trái pháp luật, T1 đã cùng L, T2 đưa anh H1 đến số nhà 150 đường N, phường X, quận T, thành phố Hà Nội để giải quyết khoản nợ giữa T1 và anh H1.

Bị cáo Lưu Kim T2 biết L có hành vi gây áp lực, khống chế, bắt anh H1 ngồi lên xe của T2 để đưa về số nhà 150 đường N nhưng T2 vẫn đồng ý chở anh H1 về số nhà 150 đường N, phường X, quận T, thành phố Hà Nội.

Tại số nhà 150 đường N, phường X, quận T, thành phố Hà Nội, các bị cáo Đỗ Văn L và Lê Thanh T1 tiếp tục có hành vi giữ anh Vũ Tiến H1 trái pháp luật.

Hành vi của bị cáo Lê Thanh T1 và bị cáo Đỗ Văn L đã cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Lưu Kim T2 đã cấu thành tội “Bắt người trái pháp luật”; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thanh T1 và bị cáo Đỗ Văn L về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Lưu Kim T2 về tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Lê Thanh T1, Đỗ Văn L và Lưu Kim T2, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an ninh xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật để răn đe và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; đồng thời xác định các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo (ngoài ra bị cáo L ăn năn hối cải); bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để cho

các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đồng thời xem xét bị cáo T1 đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại để áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò phạm tội của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt của bị cáo Đỗ Huy L là cao nhất, sau đó đến bị cáo Lê Thanh T1 và bị cáo Lưu Kim T2 là phù hợp.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, ngày 10/6/2020, các bị cáo Lê Thanh T1, Đỗ Văn L và Lưu Kim T2 đã đến Công an quận T, thành phố Hà Nội để đầu thú nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lưu Kim T2 xuất trình tài liệu thể hiện bố bị cáo là thương binh nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T2.

Xét mức hình phạt 10 tháng tù đối với bị cáo Lê Thanh T1, 12 tháng tù đối với bị cáo Đỗ Huy L, 07 tháng tù đối với bị cáo Lưu Kim T2 mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phù hợp. Tuy nhiên, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa quyết định của bản án sơ thẩm, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4]Hội đồng xét xử sửa quyết định của bản án sơ thẩm nên các bị cáo Lê Thanh T1, Đỗ Văn L và Lưu Kim T2 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5]Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố

tụng hình sự:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thanh T1, Đỗ Văn L và Lưu Kim T2, sửa Quyết định của bản án sơ thẩm:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T1 10 (*Mười*) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (*Hai mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thanh T1 cho Ủy ban nhân dân phường X, quận T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Lê Thanh T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Thanh T1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Đỗ Huy L 12 (*Mười hai*) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*Hai mươi tư*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Huy L cho Ủy ban nhân dân phường X, quận T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Đỗ Huy L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đỗ Huy L cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Lưu Kim T2 07 (*Bảy*) tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (*Mười bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lưu Kim T2 cho Ủy ban nhân dân phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Lưu Kim T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lưu Kim T2 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Lê Thanh T1, Đỗ Văn L và Lưu Kim T2 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/5/2022.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an quận T;
- VKSND quận T;
- TAND quận T;
- Thi hành án dân sự quận T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Tâm